

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2022/DSPT

Ngày 23/8/2022

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản và  
tuyên bố văn bản công chứng vô  
hiệu*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Việt Hồng

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Uông Văn Tuấn

2. Bà Lê Thị Mỹ Nhung

***Thư ký Tòa án:*** Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên  
tòa:*** Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 4 và 23 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 547/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản và tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 217/2020/DS-ST, ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3661/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 9924/2022/QĐ-PT ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Thành T, sinh năm 1961 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 244A1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Võ Phi H, sinh năm 1957 (*Có mặt*)

Địa chỉ: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Thu T1 (tên khác Trương Thị Thanh L), sinh năm 1958

Địa chỉ: 41B Hẻm 6, phường XK, quận NK, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp của bà T1:* Ông Võ Thành T (*Có mặt*)

Địa chỉ: 244A1 Nguyễn Văn Đức, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 17339, quyền số 10 do Văn phòng Công chứng quận O chứng nhận ngày 31/10/2017).

2. Ông Trần Hữu K, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 16 Lô M, Cư xá PL D, Phường O, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của ông K:*

Ông Lê Xuân L, sinh năm 1975 *(Có mặt)*

Địa chỉ: 239D LS, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 03508, quyền số 02 ngày 06/02/2018 do Phòng Công chứng H, Tp. Hồ Chí Minh chứng nhận).

Địa chỉ liên hệ: 55 NQ, phường M, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Văn phòng Công chứng TQP (tên cũ VPCC GD)

Địa chỉ: 214/B2 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1991 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: 214/B2 NT, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 07/6/2018).

4. Văn phòng Công chứng HXN (tên cũ VPCC HX)

*Người đại diện hợp pháp: Ông HXN - Trưởng văn phòng (Yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: 198A Trần BT, phường B, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Phương TR, sinh năm 1970 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Bà Trương Thị B, sinh năm 1928 (Đã chết)

Địa chỉ: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà B:*

Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo ủy quyền cho bà V*

Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1972

Địa chỉ: 123 PA, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

7. Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1970.

8. Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: 239/63A Trần Văn Đức, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ nơi làm việc: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

9. Ông Vũ Hoài N, sinh năm 1988.

10. Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1993.

11. Ông Hoàng Vũ Anh K, sinh năm 1993.

12. Cháu Hoàng Vũ Hải Đ, sinh năm 2017 có cha Vũ Hoài N và mẹ Trần Thị Thanh N đại diện.

13. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968.

14. Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1962.

15. Ông Lê Quang H, sinh năm 1969.

16. Ông Lâm Văn S, sinh năm 1956.

17. Bà Trương Thị Cẩm N, sinh năm 1969.

18. Cháu Thạch Giao Đ, sinh năm 2003 có cha Lâm Văn S và mẹ Trương Thị Cẩm N đại diện.

19. Ông Nguyễn Duy L.

20. Bà Nguyễn Thị Bích K.

21. Cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo có cha Nguyễn Duy Linh và mẹ Nguyễn Thị Bích Ký đại diện.

22. Bà Nguyễn Thị Phải.

23. Cháu Nguyễn Thị Như P có mẹ Nguyễn Thị P đại diện.

24. Ông Nguyễn Tần K, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Phi H

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 27/6/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2017 và ngày 09/5/2018, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Võ Thành T là nguyên đơn trình bày:*

Căn nhà đất số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Võ Văn R (Cha, chết năm 2005) và bà Trương Thị K (Mẹ, chết năm 2014) mua vào năm 1953 (sau đây gọi tắt: Căn nhà 42/9). Cha mẹ có tất cả 03 (ba) người con gồm: Võ Phi H (sinh năm 1957), Võ Thị Thu T1 (sinh năm 1958, tên khác Trương Thị Thanh L) và Võ Thành T (sinh năm 1961).

Trước năm 1971, cha mẹ làm ăn buôn bán tại nhà nhưng ế ẩm nên ngăn nhà cho thuê, rồi đi làm ăn xa nên nhờ bà Trương Thị B (đi Năm, em ruột của mẹ) về ở trông coi nhà. Ba anh em về Cần Thơ sống với bà nội (Phạm Thị L). Năm 1975, cha mẹ cũng ở Cần Thơ. Đến năm 1980, cha mẹ quay lại Sài Gòn, khởi

kiện các hộ thuê trả nhà tại Toà án quận M. Để lấy lại nhà, cha mẹ phải hỗ trợ tiền để họ di dời nên phải vay của bà Võ Thị R1 (em ruột của cha) giải quyết. Sau đó, bà R1 khởi kiện và cơ quan Thi hành án đã kê biên phát mãi một phần diện tích đất (5m x 17m) trả nợ cho bà R1, diện tích đất còn lại khoảng 245m<sup>2</sup>.

Ngày 24/10/2005, ông R chết không để lại di chúc. Năm 2011, bà K xin cấp chủ quyền căn nhà 42/9 và được Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE 157717, số vào sổ: CH3390 ngày 31/12/2011 cho bà Trương Thị K đứng tên *“Là đồng sở hữu và người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Võ Văn R”*. Lúc này, bà K đã lớn tuổi, sức khỏe yếu không đi lại được, không biết chữ, giấy chứng minh nhân dân cấp năm 1992 cũng quá thời hạn sử dụng 15 năm. Ông H sống cùng nhà nên dễ dàng lợi dụng, dẫn dắt bà K xác lập nhiều văn bản công chứng liên quan căn nhà 42/9. Ông H cố tình khai là con duy nhất, che giấu ông và bà T1 nhằm để một mình hưởng hết căn nhà. Khi Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận M mời làm việc, đối chiếu với 02 Giấy khai sinh của ông và bà T1 có tên cha mẹ Võ Văn L và Trần Thị S, ông và bà T1 mới được biết những việc làm trái với lương tâm, đạo lý gia đình của ông H. Sau khi bà K chết, ông H lần tránh không chịu bàn bạc chia thừa kế nên ông phải nhờ ông K hỗ trợ và đi sao lục giấy tờ liên quan để nộp đơn khởi kiện ông H, yêu cầu được chia hưởng thừa kế là 1/3 diện tích quyền sử dụng đất, hoặc 1/3 giá trị căn nhà 42/9 tạm tính là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Hiện ông H ở nhà này và cho một số người thuê ở nhưng ông và bà T1 không tranh chấp về việc cho thuê nhà.

Ngày 01/12/2017, ông bổ sung yêu cầu khởi kiện về tuyên bố các văn bản công chứng vô hiệu, gồm: Bản di chúc của bà Trương Thị K được Văn phòng Công chứng GD chứng nhận số 002476, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2012; Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Trương Thị K và ông Võ Phi H được Văn Phòng công chứng GD chứng nhận số 002998, quyền số 01TP/CC-SCC/CK ngày 26/02/2013; Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Trương Thị K và ông Võ Phi H được Văn Phòng công chứng GD chứng nhận số 003000, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2013 (nay là VPCC TQP); Hợp đồng ủy quyền giữa ông Võ Phi H và ông Trần Hữu K ngày 16/3/2013 được Văn phòng Công chứng HX (nay là Văn phòng công chứng HXN) chứng nhận số 008395, quyền số 06 ngày 13/6/2013.

Đến ngày 09/5/2018, ông bổ sung thêm yêu cầu đòi ông Trần Hữu K trả lại bản chính Giấy chứng nhận, Tờ khai trước bạ, sổ hộ khẩu của nhà số 42/9.

Nay tại phiên toà, ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi ông Trần Hữu K trả lại các giấy tờ nêu trên, khi cần thiết ông sẽ yêu cầu cơ quan địa phương giải quyết; xin thay đổi yêu cầu tuyên bố Di chúc vô hiệu thành yêu cầu không công nhận hiệu lực của Di chúc vì bà K đã chấm dứt hiệu lực của di chúc và thay thế bằng việc chứng nhận Hợp đồng tặng cho ông H phần quyền tài sản của bà K vào ngày 26/02/2013; xin giữ nguyên yêu cầu tuyên bố 03 văn bản công chứng còn

lại vô hiệu do trái pháp luật, đạo đức xã hội; Ông và bà T1 đều yêu cầu chia thừa kế được hưởng 1/3 giá trị căn nhà 42/9 (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài sản của cha mẹ nêu có) vì không có khả năng nhận căn nhà và hoàn phần giá trị của ông H, bà T1.

Đối với việc bà B và bà V (con gái bà B) ở nhà này đã được Toà án quận M giải quyết bằng Quyết định số 36/HGT ngày 05/6/1993 nhưng sau đó đến nay vẫn ở đây vì ông R chưa đưa tiền vàng hỗ trợ di dời. Bà B là di ruột hiện tuổi đã cao sức khoẻ yếu và bà V thì đau bệnh đều không có khả năng để tự lo chỗ ở, trong khi ông H lại không hợp tác nên ông và bà T1 thống nhất sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ lo cho gia đình bà B một chỗ ở khác với giá trị tương đương 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) khi căn nhà được chia thừa kế, trường hợp gia đình bà B tự lo chỗ ở thì sẽ giao tiền.

*Ông Võ Phi H là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại các Bản khai, tờ tường trình các ngày 30/10/2017, ngày 31/10/2017, ngày 07/11/2017, ngày 09/7/2019 và ngày 29/7/2020 ông H trình bày như sau:*

Cha mẹ là ông Võ Văn R và bà Trương Thị K. Vào năm 1963 cha mẹ mua căn nhà 42/9 và ngăn phòng cho thuê. Sau giải phóng, cha ở Cần Thơ cùng bà nội, còn ông và mẹ ở căn nhà 42/9. Từ năm 1988, ông cùng cha mẹ kiện đòi lấy lại nhà cho thuê. Đến năm 2011 xin cấp chủ quyền căn nhà có diện tích 245m<sup>2</sup>. Để được cấp chủ quyền căn nhà 42/9, ông phải đi vay mượn tiền vàng giải quyết cho những người thuê để họ trả nhà, đóng thuế, lệ phí trước bạ... Tất cả đều có biên lai thu tiền nên ông T phải trả lại cho ông phần tiền vàng mà ông đã đóng góp cho căn nhà này.

Tờ khai gia đình cha mẹ khai có tất cả 06 (sáu) người con gồm: Võ Phi P (sinh năm 1953), Võ Văn Đ (sinh năm 1954), Võ Văn X (sinh năm 1955), Võ Thị U (sinh năm 1956), Võ Phi H (sinh năm 1957), Võ Thành T (sinh năm 1960) và không có tên bà Võ Thị Thu T1. Sau năm 1975, Hộ khẩu gia đình khai có 05 (năm) người gồm: Võ Văn R, Trương Thị Kh, Võ Phi H, Võ Thị Thu T1 và Võ Thành T. Tuy nhiên, chỉ ông mới có giấy khai sinh con của ông R - bà K. Theo ông biết giấy khai sinh của bà Trương Thị Thanh L (Võ Thị Thu T1) không có tên cha nên mới mang họ Trương, sau khi ông R chết bà T1 mới làm giấy khai sinh nên giấy khai sinh của bà T1 không đúng sự thật; giấy khai sinh của ông T cung cấp cho Toà án là giả vì ông T có hai khai sinh và giấy khai sinh ở Sài Gòn cha mẹ không phải ông R - bà K. Sau giải phóng, ông và mẹ sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông T và bà L (T1) sống ở Cần Thơ nên không liên lạc với nhau thường xuyên, vì lý do đó mà mẹ mới làm giấy tặng cho ông. Trước đây Toà án giải quyết đòi nhà cho thuê có tên ông T và bà T1 là do Toà án và Phòng Tài nguyên Môi trường dựa vào sổ hộ khẩu để làm thủ tục. Do đó, ông phản tố khẳng định ông T, bà T1 không phải là con của ông R và bà K nên bác tất cả các yêu cầu của ông T đối với ông trong việc tranh chấp thừa kế căn nhà 42/9.

Còn việc giữa ông và ông K, thực chất ông vay mượn tiền của ông K nhưng không trả nổi lãi (6%/tháng) nên ông K ép buộc ông làm hợp đồng mua bán nhà cộng với tiền lãi vay (hợp đồng không công chứng) đã được Toà án Quận 1 giải quyết ông phải trả tiền cho ông K.

Còn 02 tờ giấy khai sinh của bà L (T1) và ông T nộp ở Phòng Tài nguyên Môi trường quận M thì ông hoàn toàn không biết vì lúc đó ông K giữ giấy tờ nhà. Sau khi ép làm giấy mua bán nhà, ông K tự làm sang tên chủ quyền nhưng Phòng Tài nguyên Môi trường không chấp nhận nên ông K nộp 02 tờ khai sinh này hòng chiếm đoạt nhà của ông, theo giấy mời của Phòng Tài nguyên (Biên bản làm việc ghi tôi vắng mặt) thì lúc đó mẹ tôi mới chết 03 ngày.

*Bà Võ Thị Thu T1(Trương Thị Thanh L) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập với Bị đơn, có ông Võ Thanh T là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Theo Đơn yêu cầu độc lập ngày 05/12/2017, bà T1 yêu cầu Toà án xác minh, xem xét tuyên các văn bản công chứng vô hiệu và chia tài sản thừa kế giống với các yêu cầu của ông. Ông là người đại diện của bà T1 nên bà T1 thống nhất với ý kiến và các yêu cầu tranh chấp như của ông nêu trên.

*Ông Trần Hữu K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Lê Xuân L là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Ông xác nhận ông K đang giữ bản chính Giấy chứng nhận, Thông báo nộp lệ phí trước bạ của căn nhà 42/9, sổ hộ khẩu do ông H giao khi hai bên ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 10/6/2013 với giá 06 (sáu) tỷ đồng, ông H đã nhận 04 (bốn) tỷ đồng. Sau khi ông H nộp hồ sơ đăng bộ sang tên căn nhà không được chấp nhận, ông K khởi kiện ông H đã được Toà án Quận 1 giải quyết bằng Quyết định số 1900/QĐST-DS ngày 02/11/2016, ông H phải trả lại tiền cho ông K nhưng đến nay vẫn chưa trả, còn giấy tờ nhà vì ông H không yêu cầu trả lại nên ông K vẫn giữ.

Việc ký Hợp đồng uỷ quyền giữa ông H và ông K nhằm để cho ông K được thay mặt làm thủ tục sang tên căn nhà 42/9 nhưng sau đó vướng hàng thừa kế nên không làm được, thực tế Hợp đồng uỷ quyền này cũng không có giá trị sử dụng nên đề nghị ông T xem lại có cần thiết yêu cầu Toà án giải quyết không. Nếu ông T không rút yêu cầu đối với văn bản này thì đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Trước đó, ông K cũng động viên ông H trao đổi với ông T để vụ việc được giải quyết nhanh nhưng ông H không hợp tác nên đã tích cực hỗ trợ cung cấp cho ông T các giấy tờ nhà để ông T khởi kiện. Nay ông T rút yêu cầu đòi ông K trả giấy tờ thì ông thống nhất. Bản thân ông K rất mong muốn vụ việc tranh chấp này kết thúc nhanh nên khi cần thiết ông K sẽ cung cấp cho cơ quan chức năng giấy tờ của căn nhà 42/9.

Về việc ông H trình bày không biết 02 Giấy khai sinh của ông T, bà T1 có tên cha mẹ Võ Văn L - Trần Thị S nộp cho Phòng Tài nguyên Môi trường quận M thì ông không biết giải thích thế nào vì toàn bộ giấy tờ liên quan để sang tên

căn nhà là do ông H giao, còn ông K chỉ là người đại diện liên hệ nộp hồ sơ. Do đó, vấn đề này đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và có phán quyết phù hợp.

*Văn phòng công chứng TQP (tên cũ Văn phòng công chứng GD) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Phạm Văn T là người đại diện theo uỷ quyền yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tại Bản khai ngày 06/02/2018 và ngày 08/6/2018, ông T trình bày:*

Đối với Di chúc của bà Trương Thị K do Văn phòng công chứng GD chứng nhận số 002476 ngày 21/02/2012: Hồ sơ lưu thể hiện Phiếu yêu cầu công chứng do bà Trương Thị K trực tiếp ký. Nội dung Di chúc được soạn thảo theo yêu cầu của bà K. Tại thời điểm công chứng, bà K là người có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, đã đồng ý nội dung di chúc và ký tên, điểm chỉ trên văn bản công chứng. Như vậy, Di chúc do Văn phòng Công chứng GD chứng nhận là hoàn toàn đúng theo ý chí, nguyện vọng của bà K, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đối với Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản do Văn phòng công chứng GD chứng nhận số 002998 ngày 26/02/2013: Văn phòng công chứng xác định việc công chứng văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản là đúng quy trình Luật công chứng và hoàn toàn đúng các quy định pháp luật khác, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, quá trình khai nhận và thoả thuận phân chia di sản của ông Võ Văn R tại địa chỉ số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M thì bà K và ông H đã cố tình che dấu không cho ông Võ Thành T và bà Võ Thị Thu T1 được hưởng thừa kế là do lỗi của người yêu cầu công chứng. Văn phòng công chứng không thể biết được và “Người yêu cầu công chứng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ” mà mình đã cung cấp (khoản 3 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006). Vì lẽ đó, đề nghị Toà án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng tặng cho do Văn phòng công chứng GD chứng nhận số 003000 ngày 26/02/2013: Sau khi hoàn thành thủ tục khai nhận và phân chia di sản của ông R. Ngay sau đó, bà K đã yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất phần quyền của bà tại số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M cho ông H được Văn phòng chứng nhận là hoàn toàn đúng pháp luật. Đây là ý chí tự nguyện của các bên giao dịch, không bên nào ép buộc bên nào và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng này vô hiệu là không có cơ sở, đề nghị Toà án bác yêu cầu.

*Văn phòng công chứng HXN (tên cũ Văn phòng công chứng HX) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông HXN - Trưởng Văn phòng đại diện yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tại Văn bản số 12/2018/CCHXN ngày 27/01/2018 trình bày:*

Hợp đồng uỷ quyền do Văn phòng công chứng HX chứng nhận số 008395 ngày 13/6/2013, nội dung: “Ông Trần Hữu K được quyền thay mặt và nhân danh ông Võ Phi H đăng ký sang tên (kể cả xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) đối với bất động sản toạ lạc tại số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M. Sau khi được cấp giấy chứng

*nhận thì ông K được quyền thay mặt ông H: Quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, thế chấp, bán – chuyển nhượng, hoặc tặng cho, khai và nộp thuế, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ các hợp đồng nêu trên đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M...”* được tiếp nhận, thụ lý và công chứng đúng quy định của Luật Công chứng, Luật Đất đai, Luật Dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Tại thời điểm công chứng, tài sản không bị tranh chấp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền thừa kế, không thế chấp, bán, chuyển nhượng, trao đổi, kê khai làm vốn của doanh nghiệp hoặc thực hiện nghĩa vụ khác, không bị kê biên để thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, Công chứng viên đã chứng nhận không đồng ý yêu cầu của Nguyên đơn về tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu.

*Bà Trương Thị B, bà Nguyễn Thị Cẩm V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có bà Nguyễn Thị Kim T2 là người đại diện trình bày:*

Bà B là em ruột của bà K, bà V là con gái của bà B và là mẹ của bà (T2). Bà B, bà V đang ở tại nhà 42/9, còn bà thuê nhà trọ ở quận Bình Tân. Thời gian gần đây sức khỏe của bà ngoại và mẹ không được tốt do già yếu, bị bệnh nên bà thường xuyên lui tới để chăm sóc cho hai người. Trước đây, ông R kiện đòi bà B trả nhà đã được Toà án quận M giải quyết: “*Bà B trả phần diện tích nhà. Ông R tự nguyện phụ giúp cho bà B số vàng là 10 chỉ vàng 24k và 1.000.000 đồng để dọn đi nơi khác*” nhưng ông R chưa đưa tiền vàng nên bà vẫn sống ở đây và hiện đã già sức khỏe yếu, không có khả năng để tìm kiếm nhà ở, ông T đã hứa sẽ lo chỗ ở cho gia đình bà B khi căn nhà 42/9 chia thừa kế nên bà thống nhất với ý kiến của ông T, không yêu cầu Toà án giải quyết gì. Nếu căn nhà 42/9 được chia thừa kế thì gia đình bà B đồng ý trả nhà.

*Các ông bà gồm: Nguyễn Thị Phương TR (vợ ông H) và Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Huy V, Vũ Hoài N, Trần Thị Thanh N, Hoàng Vũ Anh Kh, Nguyễn Văn H, Lê Thị Ngọc B, Lê Quang H, Lâm Văn S, Trương Thị Cẩm N, Nguyễn Duy L, Nguyễn Thị Bích K, Nguyễn Thị P, Nguyễn Tàn K và các con của họ (thuê nhà trọ) là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập lần thứ hai nhưng họ đều vắng mặt không có lý do.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ khoản 5 và khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 147, Điều 227, Điều 244 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 118, Điều 615, khoản 3 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, điểm d Điều 12, Điều 35 Luật Công chứng năm 2006;



Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành T đòi ông Trần Hữu K trả giấy chứng nhận, thông báo lệ phí trước bạ, sổ hộ khẩu của căn nhà số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Không công nhận hiệu lực văn bản Di chúc của bà Trương Thị K đã được Văn phòng Công chứng GD, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 002476, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2012.

2.2. Tuyên bố các văn bản công chứng gồm: Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Trương Thị K và ông Võ Phi H đã được Văn phòng Công chứng GD, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 002998, quyền số 01TP/CC-SCC/CK ngày 26/02/2013; Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Trương Thị K và ông Võ Phi H đã được Văn phòng Công chứng GD, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 003000, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2013; Hợp đồng ủy quyền giữa ông Võ Phi H và ông Trần Hữu K đã được Văn phòng Công chứng HX, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 008395, quyền số 06 ngày 13/6/2013 là vô hiệu.

2.3. Các ông/bà gồm: Võ Văn H, Võ Thị Thu T1, Võ Thành T mỗi người được hưởng phần giá trị bằng nhau (1/3) quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số: 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận số BE 157717, sổ vào sổ CH3390 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2011.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các ông/bà Võ Văn H, Võ Thị Thu T1, Võ Thành T không thỏa thuận được với nhau về chia tài sản thì có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để chia.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thành T và bà Võ Thị Thu T1 sẽ có trách nhiệm hỗ trợ tìm nhà ở cho bà Trương Thị B và gia đình, hoặc hỗ trợ số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) nếu gia đình bà B tự tìm nhà ở.

Các ông/bà gồm: Võ Văn H, Võ Thị Thu T1, Võ Thành T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Võ Văn R và bà Trương Thị K chết để lại (nếu có) theo quy định tại Điều 615, khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, ông Võ Phi H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 217/2020/DS-ST, ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người kháng cáo đồng thời là bị đơn – ông Võ Phi H: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết những nội dung sau:

- Công nhận phần di chúc của bà K để lại cho ông H.
- Công nhận phần đóng góp tiền và vàng và công sức của ông H trong căn nhà 42/9 Hồ HH, quận M.
- Phần của ông Rê được chia thành 3 phần theo luật định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Lê Xuân L là người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Tự nguyện trả lại cho bị đơn ông Võ Phi H bản chính Giấy chứng nhận số BE 157717, sổ vào sổ CH3390 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2011; Thông báo nộp lệ phí trước bạ của căn nhà 42/9 Hồ HH, sổ hộ khẩu do ông H giao khi hai bên ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 10/6/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Phi H;

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh do phát sinh tình tiết mới cụ thể: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hữu K trả lại cho bị đơn ông Võ Phi H bản chính Giấy chứng nhận số BE 157717, sổ vào sổ CH3390 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2011; Thông báo nộp lệ phí trước bạ của căn nhà 42/9 Hồ HH, sổ hộ khẩu do ông H giao khi hai bên ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 10/6/2013. Sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn và bị đơn có đơn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Bị đơn ông Võ Phi H nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của bị đơn được chấp nhận. Đồng thời bị đơn có Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm phúc thẩm do bị đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, đơn của bị đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp được giải quyết trong vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp về tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Bị đơn cư trú tại địa chỉ 42/9 Hồ HH, phường C, quận M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên đã được Toà án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, họ đều không có yêu cầu Toà án giải quyết gì trong vụ án này; Văn phòng công chứng TQP, Văn phòng công chứng HXN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với nội dung:

- Công nhận phần di chúc của bà K để lại cho ông H.
- Công nhận phần đóng góp tiền và vàng và công sức của ông H trong căn nhà 42/9 Hồ HH, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phần của ông R được chia thành 3 phần theo luật định.

*Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1] Về nguồn gốc nhà, đất tranh chấp tại số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ tài liệu lưu trữ do Văn phòng Đăng ký Đất đai Chi nhánh Quận 1, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 1 cung cấp theo các Văn bản số 9911/CNQ1 ngày 17/11/2017, số 9965/CNQ1 ngày 20/11/2017 và số 45/VP ngày 18/01/2019 có cơ sở xác định: Căn nhà 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được ông Võ Văn R mua sử dụng từ năm 1963. Ông R và bà Trương Thị K là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 384, quyền số II do Ủy ban nhân dân xã XK – Cần Thơ cấp ngày 30/9/1994. Ông R chết năm 2005 theo Giấy chứng tử số 83, quyền số 1 do Ủy ban nhân

xã XK, huyện NK, Thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/10/2005. Vào năm 2011, bà K đứng đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận BE 157717, sổ vào sổ CH3390 ngày 31/12/2011 có diện tích đất 245,1m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 141,8m<sup>2</sup>, diện tích sàn 234,4m<sup>2</sup> tường gạch, sàn gỗ, mái tole.

Thời điểm cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ đề nghị không có văn bản thỏa thuận cử người đứng tên đại diện những người thừa kế. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận được cấp đứng tên bà Trương Thị K *“Là đồng sở hữu và người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Võ Văn R”*. Tại thời điểm phát sinh tranh chấp thừa kế tài sản, Giấy chứng nhận này chưa cập nhật thay đổi về chủ sở hữu nên quyền và lợi ích hợp pháp của những người được thừa kế tài sản theo quy định pháp luật không bị ảnh hưởng. Do đó, vẫn công nhận giá trị pháp lý căn nhà 42/9 theo Giấy chứng nhận nêu trên.

## [2.2] Về xác định hàng thừa kế:

Căn cứ vào lời khai của ông H về mối quan hệ huyết thống của ông T, bà T1 (Trương Thị Thanh L) ở các bản khai nói trên là có sự mâu thuẫn. Bị đơn vừa thừa nhận cha, mẹ khai nhận ông T, bà T1 là con theo Tờ khai gia đình, sổ hộ khẩu; vừa cho rằng ông T, bà T1 không phải là con ruột của cha mẹ, giấy khai sinh của bà T1 được làm lại là không đúng sự thật, giấy khai sinh của ông T cung cấp cho Tòa án là giả nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Căn cứ giấy khai sinh của bà Võ Thị Thu T1 do Ủy ban nhân dân phường C, quận M cấp số 107/QH, quyển số 01/2006 ngày 11/4/2006 có cha Võ Văn R, mẹ Trương Thị K là phù hợp với tài liệu do Ủy ban nhân dân phường C, quận M cung cấp theo Văn bản số 39/UBND-HT ngày 15/01/2019.

Căn cứ giấy khai sinh của ông Võ Thành T do Sở Tư pháp Cần Thơ cấp sao số 241 ngày 25/6/2018 có cha Võ Văn R, mẹ Trương Thị K, nơi đăng ký khai sinh: Tòa Hoà Giải rộng quyền Phong Dinh vào ngày 10/02/1966 là phù hợp với tài liệu do Sở Tư pháp Cần Thơ cung cấp theo Văn bản số 2215/STP-HCTP ngày 27/11/2017, thể hiện: Ngày 10/02/1966, Tòa Hoà Giải rộng quyền Phong Dinh chứng nhận tuyên thệ Võ Phi H, Võ Thị Thu T1 và Võ Thành T là con của Võ Văn R và Trương Thị K.

- Xét yêu cầu của ông T, bà T1 về việc yêu cầu không công nhận hiệu lực văn bản Di chúc của bà Trương Thị K. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Di chúc của bà Trương Thị K do Văn phòng Công chứng GD chứng nhận số 002476, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2012, thể hiện: *“Bà Trương Thị K là đồng sở hữu và là người đại diện của những đồng thừa kế của ông Võ Văn R. Sau khi tôi qua đời, phần tài sản của tôi đối với quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của căn nhà 42/9 sẽ thuộc quyền thừa kế của ông Võ Phi H. Hiệu lực pháp luật của di chúc được xác định theo quy định tại Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005”*. Sau đó, bà K và ông H xác lập Hợp đồng tặng cho do Văn phòng Công chứng GD chứng nhận số

003000, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2013, thể hiện: “*Bà Trương Thị K (bên A) tặng cho ông Võ Phi H (bên B) phần quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà K tại căn nhà 42/9 để cùng với Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản do Văn phòng công chứng GD chứng nhận, bên B trở thành chủ sở hữu và sử dụng trọn vẹn, duy nhất căn nhà 42/9*”. Như vậy, ở thời điểm Di chúc chưa phát sinh hiệu lực thì đã được bà K chấm dứt nó và thay thế bằng giao dịch tặng cho nhằm để ông H được hưởng quyền và lợi ích về tài sản ngay sau khi hợp đồng tặng cho được chứng nhận công chứng ngày 26/02/2013 theo quy định tại Điều 116 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, ông T và bà T1 yêu cầu không công nhận hiệu lực Di chúc của bà Trương Thị K lập ngày 21/02/2012 là có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu:

Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản do Văn Phòng công chứng GD chứng nhận số 002998, quyền số 01TP/CC-SCC/CK ngày 26/02/2013 có nội dung: Bà K, ông H cùng khai nhận ông H là con duy nhất của ông R và bà K, thoả thuận phân chia về thừa kế tài sản của ông R đối với căn nhà 42/9. Trong khi thực tế, bà K và ông H đều biết rõ ông H không phải là con duy nhất nhưng vẫn cố tình che dấu sự tồn tại của đồng thừa kế khác nhằm mục đích hoàn tất thủ tục để ông H được hưởng duy nhất và trọn vẹn căn nhà 42/9. Việc làm này của bà K và ông H được xem là trái với đạo lý gia đình và quy chuẩn đạo đức xã hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đồng thừa kế khác mà lẽ ra họ có thể được hưởng theo quy định pháp luật.

- Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Văn Phòng công chứng GD chứng nhận số 003000 ngày 26/02/2013, nhận thấy: Cùng một thời điểm ngày 26/02/2013, Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản của ông R và Hợp đồng tặng cho phần quyền tài sản của bà K tại căn nhà 42/9 được chứng nhận. Ông H cam kết là con duy nhất của ông R và bà K, cha mẹ ông R đã chết không có chứng tử (xác nhận ngày 25/10/2012, ngày 20/02/2013). Sổ hộ khẩu chủ hộ Trương Thị K (bản sao 01 trang). Từ những tình tiết này có thể đánh giá Văn phòng công chứng tiếp nhận yêu cầu công chứng, kiểm tra thông tin và chứng nhận chưa đảm bảo tính chính xác, khách quan, an toàn cho chủ thể và đối tượng tài sản tham gia giao dịch. Bởi lẽ, mục đích xác lập Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản của ông R là nhằm để xác lập Hợp đồng tặng cho phần quyền tài sản của bà K “*để cùng với Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản do Văn phòng công chứng GD chứng nhận, ông H trở thành chủ sở hữu và sử dụng trọn vẹn, duy nhất căn nhà số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, TP.HCM*” (Trang 2 Hợp đồng tặng cho).

Về Hợp đồng uỷ quyền lập ngày 16/3/2013 do Văn phòng công chứng HX chứng nhận số 008395 ngày 13/6/2013, có nội dung ông H là bên được tặng cho và nhận thừa kế theo Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản và Hợp đồng tặng cho uỷ quyền cho ông K được quyền thay mặt đăng ký sang tên, quản lý, sử dụng và thực hiện các giao dịch đối với căn nhà 42/9. Mặc dù, Văn phòng

công chứng tiếp nhận yêu cầu và chứng nhận giao dịch phù hợp thủ tục công chứng. Tuy nhiên, xét về nội dung uỷ quyền thì ông H đã có hành vi gian dối khi xác lập Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản và Hợp đồng tặng cho. Ông H dựa vào các giao dịch này xác lập uỷ quyền nhằm để ông K thay mặt thực hiện công việc có liên quan đến quyền tài sản của người khác là trái quy định pháp luật như đã phân tích nêu trên. Người đại diện của ông K thừa nhận thực tế hợp đồng uỷ quyền không có giá trị sử dụng do phát sinh tranh chấp liên quan đến nội dung uỷ quyền. Do đó, Hợp đồng uỷ quyền xác lập giữa ông H và ông K không phát sinh hiệu lực do vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117 và Điều 118 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Do đó, trên cơ sở phân tích nêu trên xác định các giao dịch do bà K, ông H và ông K xác lập gồm: Văn bản khai nhận và thoả thuận phân chia di sản chứng nhận số 002998 ngày 26/02/2013, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chứng nhận số 003000 ngày 26/02/2013 và Hợp đồng uỷ quyền chứng nhận số 008395 ngày 13/6/2013 nói trên là vô hiệu.

- Về yêu cầu chia thừa kế:

Di sản thừa kế của ông R và bà K là căn nhà 42/9 Hồ HH, phường C, quận M được chia đều cho ông H, ông T và T1. Phần di chúc của ông R chia đều cho ba người con trên. Phần di chúc của bà K nhận thấy: Do di chúc của bà K cho ông H đã chấm dứt hiệu lực bởi hợp đồng tặng cho giữa bà K cho ông H, hợp đồng tặng cho này vô hiệu do hành vi gian dối của ông H kê khai không đúng quy định pháp luật nên phần di sản này cũng chia đều cho ba người con nêu trên. Do đó, ông H, bà T1 và ông T mỗi người đều được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- Về thực hiện nghĩa vụ tài sản:

Theo ý kiến của ông T và bà T2 thống nhất tự nguyện giải quyết về nghĩa vụ của ông R phải thực hiện với gia đình bà B đã được giải quyết theo Quyết định số 36/HGT ngày 05/6/1993 của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh khi căn nhà 42/9 được chia thừa kế. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà T1 sẽ có trách nhiệm hỗ trợ lo cho gia đình bà B một chỗ ở khác có giá trị tương đương là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), trường hợp bà B và gia đình tự lo chỗ ở thì giao tiền.

Ông T, bà T1 và ông H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Võ Văn R và bà Trương Thị K chết để lại (nếu có) theo quy định tại Điều 615, khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông H về công nhận phần đóng góp về sổ vàng và tiền đôi với căn nhà nêu trên ông H không có yêu cầu phản tố và ông cũng không có chứng cứ chứng minh nên ông H có thể khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở nên kháng cáo của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hữu K trả lại cho bị đơn ông Võ Phi H bản chính Giấy chứng nhận số BE 157717, sổ vào sổ CH3390 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2011; Thông báo nộp lệ phí trước bạ của căn nhà 42/9 Hồ HH, sổ hộ khẩu do ông H giao khi hai bên ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 10/6/2013.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 217/2020/DS-ST, ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Ông Võ Phi H phải chịu án phí không có giá ngạch số tiền là: 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*); án phí có giá ngạch số tiền là: 118.067.364 đồng (*Một trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*).

Bà Võ Thị Thu T1 phải chịu án phí có giá ngạch là: 118.067.364 đồng (*Một trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*); được cân số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 37.200.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0022563 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Bà T1 còn phải nộp án phí số tiền là: 80.867.364 đồng (*Tám mươi triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*).

Ông Võ Thành T phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là: 118.067.364 đồng (*Một trăm mười tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*); được cân trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0022063 ngày 06/10/2017, 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0023010 ngày 16/5/2018 và 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0022562 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Ông T còn phải nộp án phí số tiền là: 80.567.364 đồng (*Tám mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*).

Tuy nhiên, tại phiên tòa cấp phúc, ông Võ Thành T, bà Võ Thị Thu T1, ông Võ Phi H có nộp đơn xin miễn án phí sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa về phần án phí sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới, không có lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Phi H phải chịu án phúc thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí phúc thẩm nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Bởi các lẽ trên,*

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Phi H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 217/2020/DS-ST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Hữu K trả lại cho bị đơn ông Võ Phi H bản chính Giấy chứng nhận số BE 157717, sổ vào sổ CH3390 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2011; Thông báo nộp lệ phí trước bạ của căn nhà 42/9 Hồ HH, sổ hộ khẩu do ông H giao khi hai bên ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà ngày 10/6/2013 để thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Không công nhận hiệu lực văn bản Di chúc của bà Trương Thị K đã được Văn phòng Công chứng GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 002476, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2012.

3.2. Tuyên bố các văn bản công chứng gồm: Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản giữa bà Trương Thị K và ông Võ Phi H đã được Văn phòng Công chứng GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 002998, quyển số 01TP/CC-SCC/CK ngày 26/02/2013; Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Trương Thị K và ông Võ Phi H đã được Văn phòng Công chứng GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 003000, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2013; Hợp đồng ủy quyền giữa ông Võ Phi H và ông Trần Hữu K đã được Văn phòng Công chứng HX, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 008395, quyển số 06 ngày 13/6/2013 là vô hiệu.

3.3. Các ông/bà gồm: Võ Văn H, Võ Thị Thu T1, Võ Thành T mỗi người được hưởng phần giá trị bằng nhau (1/3) quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận số BE 157717, sổ vào sổ CH3390 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2011.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các ông/bà Võ Văn H, Võ Thị Thu T1, Võ Thành T không thỏa thuận được với nhau về chia tài sản thì có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 42/9 Hồ HH, phường C, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để chia.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thành T và bà Võ Thị Thu T1 sẽ có trách nhiệm hỗ trợ tìm nhà ở cho bà Nguyễn Thị Cẩm V số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để tự tìm chỗ ở khác.

Các ông/bà gồm: Võ Văn H, Võ Thị Thu T1, Võ Thành T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Võ Văn R và bà Trương Thị K chết để lại (nếu có) theo quy định tại Điều 615, khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.



Việc thực hiện các phần nội dung của Quyết định nêu trên được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**5. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Võ Thành T, bà Võ Thị Thu T1, ông Võ Phi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Võ Thành T, bà Võ Thị Thu T1, ông Võ Phi H được miễn toàn bộ án phí do trên 60 tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên không phải nộp.

Hoàn trả cho ông Võ Thành T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0022063 ngày 06/10/2017, 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0023010 ngày 16/5/2018 và 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0022562 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Thu T1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 37.200.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0022563 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

**6. Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Võ Phi H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng ông Võ Phi H được miễn toàn bộ án phí do trên 60 tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên không phải nộp. Hoàn trả cho ông Võ Phi H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0029645 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Việt Hồng**

